

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1249/2019/DS-ST

Ngày: 29/7/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Thảo**

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thanh Phước**

2/ Bà **Bùi Thị Cẩm Vân**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Hoài** – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2344/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2019/QĐST – DS ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần A;**

Địa chỉ: 89 L H, phường L, quận Đ, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1994;

Địa chỉ liên lạc: 296 P, PV, quận P, TP. C.

Bị đơn: Ông **Võ Tiến Đ**, sinh năm 1970;

Cư trú: 118A V T, Phường X, quận B. TP. C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần A là nguyên đơn trình bày: Ngày 04/6/2013, Ngân hàng A ký đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Võ Tiến Đ, hạn mức cấp thẻ là 100.000.000 đến ngày 14/6/2013 mở thẻ tín dụng. Quá trình sử dụng ông Đ đã sử dụng số tiền tổng

cộng là 49.500.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 10/02/2014 sử dụng 35.500.000 đồng; Ngày 01/3/2014 sử dụng 14.000.000 đồng.

Do ông Đ không thanh toán tiền như đã thỏa thuận trong hợp đồng, nên từ ngày 26/3/2014 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn vay sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn. Lãi suất vay là 28,68%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu ông Đ phải thanh toán tiền nợ tổng cộng là 160.529.243 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc tổng cộng là 49.500.000 đồng + tiền lãi trong hạn là 2.366.100 đồng, tính từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/4/2014 + tiền lãi quá hạn là 108.663.143 đồng, tính từ ngày 30/4/2014 đến ngày 10/5/2019 cho Ngân hàng A. Ngoài ra ông Đ phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 11/5/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với ông Võ Tiến Đ, nhưng phía ông Đ vẫn vắng mặt, cố tình trốn tránh trách nhiệm và không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngày 20/6/2019, ông T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tòa án tiến hành hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên ông Đ vắng mặt, không đến Tòa án và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác, nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu quan điểm: Tòa án Tòa án ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2018 của Ngân hàng A đối với ông Võ Tiến Đ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì tranh chấp giữa nguyên đơn đối với ông Đ là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Đ có địa chỉ tại 118A V T, Phường X, quận B, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 20/6/2019, ông T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Đ đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 09/7/2019 và ngày 29/7/2019 nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do là ông V đã tự tước đi quyền lợi trình bày và tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:* Ngân hàng A yêu cầu ông Đ phải thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 160.529.243 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc là 49.500.000 đồng + tiền lãi trong hạn là 2.366.100 đồng, tính từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/4/2014 + tiền nợ lãi quá hạn là 108.663.143 đồng, tính từ ngày 30/4/2014 đến ngày 10/5/2019 cho Ngân hàng A, thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông Đ phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 11/5/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo đơn đề đăng ký kiêm hợp đồng tín dụng ngày 04/6/2013 thể hiện bị đơn đã được Ngân hàng A với hạn mức thẻ là 100.000.000 đồng và bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.500.000 đồng Trong thời gian thực hiện việc trả nợ, bị đơn đã nhiều lần không thực hiện việc thanh toán đúng hạn, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 160.529.243 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc là 49.500.000 đồng + số tiền lãi trong hạn là 2.366.100 đồng, tính từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/4/2014 + số tiền nợ lãi quá hạn là 108.663.143 đồng, tính từ ngày 30/4/2014 đến ngày 10/5/2019, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 11/5/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số

12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Thông tư số 01/2009/TT-NHNN ngày 23/01/2009 của ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về lãi suất thỏa thuận của tổ chức tín dụng đối với cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Trong khi đó, bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 01/2009/TT-NHNN ngày 23/01/2009 của ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Võ Tiến Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tổng cộng là 160.529.243 đồng, gồm: Tiền nợ gốc là 49.500.000 đồng + tiền lãi trong hạn là 2.366.100 đồng, tính từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/4/2014 + tiền lãi quá hạn là 108.663.143 đồng, tính từ ngày 30/4/2014 đến ngày 10/5/2019, thanh toán làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông Võ Tiến Đ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 11/5/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Tiến Đ phải chịu án phí là 8.026.462 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.297.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo biên lai thu số 0004055 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

3/ Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần A, ông Võ Tiến Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. C;
- VKSND quận B;
- THADS quận B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Thảo